|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **TỔ HÓA – SINH – ĐỊA**  **NĂM HỌC: 2021 -2022**  **ĐỀ SỐ 2** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  MÔN ĐỊA LÍ 9. TIẾT 37  Thời gian làm bài: 45 phút |

**Phần I. 28 câu. Mỗi câu 0,3 điểm**

**Câu 1.** **Vùng Đồng bằng Sông Hồng tiếp giáp mấy vùng kinh tế?**

A. 2 vùng.

B. 3 vùng.

C. 4 vùng.

D. 5 vùng.

**Câu 2. Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?**  
A. Hải Dương.  
B. Hưng Yên.  
C. Vĩnh Phúc.  
D. Nam Định.

**Câu 3. Cơ cấu kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo hướng:**  
A. tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ.  
B. giảm tỉ trọng nông nghiệp và dịch vụ, tăng tỉ trọng công nghiệp – xây dựng.  
C. giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.  
D. tăng tỉ trọng nông nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng công nghiệp xây dựng.

**Câu 4. Khó khăn nào sau đây gây trở ngại lớn nhất đến việc phát triển kinh**  
**tế - xã hội ở đồng bằng sông Hồng?**  
A. Diện tích đất canh tác giảm.  
B. Tài nguyên thiên nhiên hạn chế.  
C. Ô nhiễm môi trường.  
D. Dân số đông.

**Câu 5. Những địa điểm du lịch hấp dẫn không phải của vùng Đồng bằng sông Hồng là:**

A. chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động.

B. Núi Lang Biang, mũi Né.

C. Côn Sơn, Cúc Phương.

D. Đồ Sơn, Cát Bà.

**Câu 6. Tam giác tăng trưởng kinh tế cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là:**

A. Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long.

B. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng.

C. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương.

D. Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Yên.

**Câu 7. Cần đặt vấn đề bảo vệ nghiêm ngặt đê sông Hồng vì**

A. nước sông rất lớn.

B. nước sông chảy mạnh.

C. nước sông nhiều phù sa.

D. đáy sông cao hơn mặt ruộng.

**Câu 8. Nguồn khí tự nhiên của vùng vùng Đồng bằng sông Hồng đang bắt đầu khai thác có hiệu quả ở khu vực nào sau đây?**

A. Ven biển Nam Định.

B. Ven biển Hải Phòng.

C. ven biển Ninh Bình.

D. ven biển Thái Bình.

**Câu 9. Loại tài nguyên quý giá nhất của vùng đồng bằng sông Hồng là**

A. khoáng sản.

B. đất phù sa.

C. địa hình.

D. khí hậu.

**Câu 10. Về mặt tự nhiên, Trung du và miền núi Bắc bộ có đặc điểm chung là**

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.

B. chịu tác động rất lớn của biển.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.

D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

**Câu 11. Đặc điểm nào sau đây không thuộc Trung du và miền núi Bắc bộ?**

A. Diện tích lớn nhất so với các vùng khác.

B. Có sự phân hóa thành hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

C. Địa hình thấp nhất nước.

D. Giáp cả Trung Quốc và Lào.

**Câu 12. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc bộ là:**

A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản.

B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản.

C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.

D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

**Câu 13. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông**

A. Đà

B. Lô

C. Gâm

D. Chảy

**Câu 14. Trong số các nhà máy điện đã và đang xây dựng của vùng Trung du vù miền núi Bắc Bộ, nhà máy nào sau đây là máy nhiệt điện?**

A. Hoà Bình.

B. Thác Bà.

C. Uông Bí.

D. Sơn La.

**Câu 15.** **Trung tâm du lịch lớn nhất vùng Trung du miền núi Bắc bộ là:**

A. Hạ Long.

B. Ba Bể.

C. Sapa.

D. Tam Đảo.

**Câu 16. Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc bộ thể hiện ở chỗ có:**

A. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm.

B. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.

C. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới.

D. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.

**Câu 17. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du và miền núi Bắc bộ là**

A. cà phê.

B. chè.

C. cao su.

D. điều.

**Câu 18. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc bộ là**

A. Đền Hùng.

B. Tam Đảo.

C. Sa Pa.

D. vịnh Hạ Long.

**Câu 19. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc bộ là:**

A. Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình.

B. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kạn.

C. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn.

D. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí.

**Câu 20. Hoạt động dịch vụ tập trung ở đô thị nhiều hơn ở khu vực nông thôn do:**

A. dân cư tập trung đông và kinh tế phát triển hơn khu vực nông thôn.

B. giao thông vận tải phát triển hơn.

C. thu nhập bình quân đầu người cao hơn.

D. có nhiều chợ hơn.

**Câu 21. Tuyến đường nào đi qua 6/7 vùng kinh tế của đất nước?**

A. Đường sắt Thống Nhất.

B. Quốc lộ 1A.

C. Đường Hồ Chí Minh.

D. Đường sắt Thống Nhất và quốc lộ 1A.

**Câu 22. Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phải dựa trên cơ sở chủ yếu nào?**

A. Dân cư đông và nguồn lao động dồi dào.

B. Thu hút đầu tư nước ngoài.

C. Trình độ công nghệ cao, lao động lành nghề , cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

D. Chính sách phát triển ngành dịch vụ của nhà nước.

**Câu 23. Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến sự phân bố ngành dịch vụ?**

A. Vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.

B. Nền kinh tế phát triển năng động.

C. Giao thông vận tải phát triển.

D. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

**Câu 24. Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất ở nước ta không biểu hiện ở đặc điểm:**

A. là hai đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước.

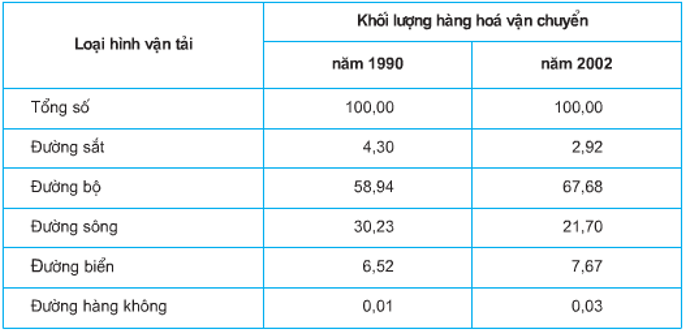
B. là nơi tập trung nhiều trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

C. là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và bệnh viện lớn.

D. là hai trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng lớn nhất nước ta.

**Câu 25.** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO CÁC LOẠI HÌNH VẬN TẢI (%)



**Cho biết, khối lượng vận chuyển hàng hoá bằng loại hình giao thông vận tải nào nhiều nhất?**

A. Đường sắt.

B. Đường bộ.

C. Đương sông.

D. Đường biển.

**Câu 26. Hiện nay, nước ta đang hợp tác buôn bán với khu vực nào nhiều nhất?**

A. Châu Âu.

B. Bắc Mĩ.

C.Châu Á – Thái Bình Dương.

D.Châu Đại Dương.

**Câu 27. Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào là tài nguyên du lịch thiên nhiên?**

A. Các công trình kiến trúc.

B. Các lễ hội truyền thống.

C. Văn hóa dân gian.

D. Các bãi tắm đẹp.

**Câu 28. Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào không phải là tài nguyên du lịch nhân văn?**

A. Các công trình kiến trúc.

B. Các vườn quốc gia.

C. Văn hóa dân gian.

D. Các di tích lịch sử.

**Phần II. 4 câu. Mỗi câu 0,4 điểm**

**Câu 29.** *Cho bảng số liệu : Sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2010 và 2014*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Sản lượng lương thực *( nghìn tấn)*** | |
|  | **Năm 2010** | **Năm 2014** |
| Đồng bằng sông Hồng | 7013,8 | 6941,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 21796,,0 | 25475,,0 |
| Cả nước | 44632,2 | 50178,5 |

**Để thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 và 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?**

A**.** Biểu đồ miền

B**.** Biểu đồ cột.

C**.** Biểu đồ tròn

D**.** Biểu đồ đường

**Câu 30. Bình quân sản lượng lương thực theo đầu người ở đồng bằng sông**  
**Hồng thấp hơn nhiều so với đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do**  
A. sản lượng lương thực ít.  
B. năng suất lúa thấp.  
C. dân số quá đông.  
D. diện tích lúa bị thu hẹp.

**Câu 31. Năng suất lúa đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do**   
A. diện tích lúa lớn nhất.  
B. trình độ thâm canh cao.  
C. sản lượng lúa lớn nhất.  
D. hệ thống thủy lợi tốt.

**Câu 32. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế**  
**của đồng bằng sông Hồng theo hướng giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng**  
**công nghiệp – xây dựng và dịch vụ là do**  
A. tác động của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.  
B. tác động của quá trình đô thị hóa.  
C. vùng thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư nước ngoài.  
D. cơ sở vật chất kĩ thuật cho phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và đồng bộ.

**HẾT**